

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
ĐƠN VỊ KẾ TOÁN CẤP TRÊN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên (không bao gồm các đơn vị kế toán trực thuộc là các chi nhánh) cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Chiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Lê Văn Thu	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Hùng	Thành viên
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Số: 0M3 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của đơn vị kế toán cấp trên - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính của đơn vị kế toán cấp trên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị kế toán cấp trên cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012. Đây là báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên nên các giao dịch và số dư nội bộ giữa đơn vị kế toán cấp trên và các đơn vị kế toán trực thuộc chưa được loại trừ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính đã được soát xét kèm theo báo gồm số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011. Các số liệu so sánh này chưa được kiểm toán hoặc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Lê Chí Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Bùi Văn Trịnh.

Bùi Văn Trịnh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1808/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.242.932.281	138.098.468.936
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.180.749.178	24.048.837.565
1. Tiền	111		1.939.628.378	3.103.629.965
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.241.120.800	20.945.207.600
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.894.825.066	96.660.716.091
1. Phải thu khách hàng	131		68.580.696.046	76.095.296.331
2. Trả trước cho người bán	132		8.641.923.796	6.406.393.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		19.299.509.239	18.641.259.239
4. Các khoản phải thu khác	135		767.585.681	164.117.084
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.394.889.696)	(4.646.349.813)
III. Hàng tồn kho	140	5	16.879.511.881	13.744.750.329
1. Hàng tồn kho	141		16.879.511.881	13.744.750.329
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.287.846.156	3.644.164.951
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	6.287.846.156	3.644.164.951
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.197.104.757	32.125.676.955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.293.886.142	8.293.886.142
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		8.293.886.142	8.293.886.142
II. Tài sản cố định	220		17.529.437.564	17.551.806.474
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	6.732.168.891	6.660.397.896
- Nguyên giá	222		19.627.704.325	19.260.311.325
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.895.535.434)	(12.599.913.429)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	10.486.078.393	10.580.218.298
- Nguyên giá	228		13.887.731.319	13.842.731.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.401.652.926)	(3.262.513.021)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		311.190.280	311.190.280
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.670.790.000	4.570.790.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	9	4.670.790.000	4.570.790.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.702.991.051	1.709.194.339
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.576.991.051	1.709.194.339
2. Tài sản dài hạn khác	268		126.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		152.440.037.038	170.224.145.891

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		99.415.067.099	108.663.347.623
I. Nợ ngắn hạn	310		98.681.718.250	107.912.806.274
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	2.457.841.982	2.975.785.094
2. Phải trả người bán	312		1.358.089.380	2.226.851.365
3. Người mua trả tiền trước	313		51.111.943.590	47.128.489.527
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.800.844.367	7.652.417.994
5. Phải trả người lao động	315		2.881.830.853	16.701.255.637
6. Chi phí phải trả	316		14.348.698.623	3.871.231.859
7. Phải trả nội bộ	317		4.491.777.599	13.586.591.667
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	15.822.901.289	10.261.640.564
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.407.790.567	3.508.542.567
II. Nợ dài hạn	330		733.348.849	750.541.349
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		733.348.849	750.541.349
B. NGUỒN VỐN	400		53.024.969.939	61.560.798.268
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	53.024.969.939	61.560.798.268
1. Vốn điều lệ	411		33.810.000.000	33.810.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(140.000)	(140.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		631.749.435	654.377.899
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.043.345.835	5.979.250.722
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.794.059.240	2.519.059.240
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.700.955.429	18.553.250.407
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		152.440.037.038	170.224.145.891



Thái Tuấn Tài
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Phạm Hoàng Vinh
 Trưởng phòng Tài chính kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**Mẫu số B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		57.090.263.464	75.534.385.545
2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(46.081.608.978)	(59.302.857.538)
3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		11.008.654.486	16.231.528.007
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	340.645.203	482.295.099
5. Chi phí tài chính	22	16	(249.952.360)	(370.551.857)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(246.855.225)	(370.514.917)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(9.675.838.935)	(7.928.496.355)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.423.508.394	8.414.774.894
8. Thu nhập khác	31		12.302.950	187.303.658
9. Chi phí khác	32		(649.266.715)	(2.945.851.090)
10. Lỗ từ hoạt động khác	40	17	(636.963.765)	(2.758.547.432)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		786.544.629	5.656.227.462
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	(227.772.494)	(1.414.056.866)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		558.772.135	4.242.170.596



Phạm Hoàng Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	786.544.629	5.656.227.462
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	434.761.910	495.811.937
Các khoản dự phòng	03	2.748.539.883	263.073.436
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(329.620.932)	(427.568.925)
Chi phí lãi vay	06	246.855.225	370.514.917
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.887.080.715	6.358.058.827
Giảm các khoản phải thu	09	1.354.056.775	26.490.540.164
Tăng hàng tồn kho	10	(3.134.761.552)	(14.469.514.886)
Giảm các khoản phải trả	11	(11.182.432.697)	(5.136.936.462)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	132.203.288	(502.962.051)
Tiền lãi vay đã trả	13	(246.855.225)	(370.514.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.170.292.709)	(4.750.862.644)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.200.000	262.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.549.952.000)	(967.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.897.753.405)	6.912.808.031
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(412.393.000)	(136.910.274)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000)	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	329.620.932	427.568.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(182.772.068)	290.658.651
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	6.470.374.391	1.718.714.080
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.988.317.503)	(6.095.086.216)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(2.261.172.000)	(2.093.691.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.779.115.112)	(6.470.063.536)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(16.859.640.585)	733.403.146
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	24.048.837.565	14.989.063.971
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.447.802)	(243.298.854)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	7.180.749.178	15.479.168.263



Phạm Hoàng Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301475102 ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 1 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TV3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 372 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 360 người).

Công ty có hai đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền Trung. Ngoài ra, Công ty có một Văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Lập tổng dự toán công trình;
- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng ;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; và
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của văn phòng Công ty và số liệu của văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính của đơn vị kế toán cấp trên (không bao gồm số liệu của các đơn vị kế toán trực thuộc là chi nhánh và xí nghiệp) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị kế toán cấp trên cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012. Đây là báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên - nên các giao dịch và số dư nội bộ giữa đơn vị kế toán cấp trên và các đơn vị kế toán trực thuộc chưa được loại trừ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư dài hạn khác, và khoản ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh của các dịch vụ khảo sát, thiết kế chưa hoàn thành và chưa được xác định doanh thu.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty cho mục đích cổ phần hóa tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 và được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ghi nhận doanh thu**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư tiền gửi và lãi suất được hưởng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì Công ty có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá trong 5 năm tiếp theo sau khi đã hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong năm đó.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ảnh hưởng không đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	98.152.093	233.011.652
Tiền gửi ngân hàng	1.841.476.285	2.870.618.313
Các khoản tương đương tiền	5.241.120.800	20.945.207.600
	<u>7.180.749.178</u>	<u>24.048.837.565</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi tiền với lãi suất 2%/năm cho khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, lãi suất 0,5%/năm (2011: 0,5%) cho khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ, và lãi suất 0,6%/năm (2011: 0,6%) cho khoản tiền gửi bằng đồng Euro.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

5. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	69.838.597	124.048.731
Công cụ, dụng cụ	2.083.197	2.603.197
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.807.590.087	13.618.098.401
	<u>16.879.511.881</u>	<u>13.744.750.329</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm số dư tạm ứng cho nhân viên để thực hiện dự án.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	5.372.960.363	1.353.731.646	9.794.942.912	2.738.676.404	19.260.311.325
Tăng trong năm	-	-	-	367.393.000	367.393.000
Tại ngày 30/6/2012	5.372.960.363	1.353.731.646	9.794.942.912	3.106.069.404	19.627.704.325
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	1.527.651.990	1.330.191.221	7.292.441.899	2.449.628.319	12.599.913.429
Khấu hao trong năm	94.247.755	4.934.965	148.335.240	48.104.045	295.622.005
Tại ngày 30/6/2012	1.621.899.745	1.335.126.186	7.440.777.139	2.497.732.364	12.895.535.434
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	3.751.060.618	18.605.460	2.354.165.773	608.337.040	6.732.168.891
Tại ngày 31/12/2011	3.845.308.373	23.540.425	2.502.501.013	289.048.085	6.660.397.896

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 8.038.582.213 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2011: 6.478.820.870 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012	9.786.048.900	1.695.117.698	2.361.564.721	13.842.731.319
Tăng trong năm	-	45.000.000	-	45.000.000
Tại ngày 30/6/2012	9.786.048.900	1.740.117.698	2.361.564.721	13.887.731.319
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	441.524.075	1.640.206.586	1.180.782.360	3.262.513.021
Khấu hao trong năm	30.241.375	10.500.000	98.398.530	139.139.905
Tại ngày 30/6/2012	471.765.450	1.650.706.586	1.279.180.890	3.401.652.926
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2012	9.314.283.450	89.411.112	1.082.383.831	10.486.078.393
Tại ngày 31/12/2011	9.344.524.825	54.911.112	1.180.782.361	10.580.218.298

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.628.517.698 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2011: 1.628.517.698 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ngân hàng định giá là 28.584.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	1.300.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung	220.790.000	220.790.000
	<u>4.670.790.000</u>	<u>4.570.790.000</u>

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản góp vốn vào các Công ty được trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư. Hiện tại, các công ty này đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 chủ yếu thể hiện khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16/2011/95234 ngày 19 tháng 4 năm 2011. Khoản vay này có thể rút bằng đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 20.000.000.000 đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất tọa lạc tại Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số 8), toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ của Công ty tại các Ngân hàng (xem Thuyết minh số 4) và các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để thế chấp cho khoản vay này.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.616.480.921	4.359.260.720
Thuế thu nhập doanh nghiệp	155.641.571	3.098.161.786
Thuế thu nhập cá nhân	28.721.875	194.995.488
	<u>1.800.844.367</u>	<u>7.652.417.994</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khoản phải trả tập đoàn điện lực Việt Nam - EVN	1.434.050.000	2.142.405.593
Cổ tức phải trả	8.200.981.000	3.700.181.000
Lương, chi phí khoán công trình phải trả	2.245.429.236	554.004.650
Kinh phí công đoàn phải trả	2.126.888.299	1.803.662.968
Phải trả khác	1.815.552.754	2.061.386.353
	15.822.901.289	10.261.640.564

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.380.986	3.380.986

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng (năm 2011: 33.810.000.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Số vốn đã góp <u>VND</u>	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,78
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	460.000.000	1,36

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2011	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	440.588.522	3.379.250.722	1.349.059.240	18.240.353.271	57.264.111.755
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	213.789.377	-	-	-	213.789.377
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	14.602.869.136	14.602.869.136
Trích lập quỹ	-	-	-	-	2.600.000.000	-	(7.528.000.000)	(4.928.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.170.000.000	(6.761.972.000)	(5.591.972.000)
Tại ngày 31/12/2011	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	654.377.899	5.979.250.722	2.519.059.240	18.553.250.407	61.560.798.268
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(22.628.464)	-	-	-	(22.628.464)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	558.772.135	558.772.135
Trích lập quỹ	-	-	-	-	7.064.095.113	1.275.000.000	(10.649.095.113)	(2.310.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.761.972.000)	(6.761.972.000)
Tại ngày 30/6/2012	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	631.749.435	13.043.345.835	3.794.059.240	1.700.955.429	53.024.969.939

Theo Nghị quyết số 087/NQ-TVĐ3-DHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2011 với số tiền là 6,762 tỷ đồng (2011: 6,761 tỷ đồng), trong đó 608.640.000 đồng đã được thanh toán bằng tiền mặt và 1.549.384.000 đồng đã được thanh toán qua ngân hàng trong tháng 6 năm 2012. Cũng theo Nghị quyết số 87 này, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2011 để trích lập các quỹ Đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính, Khen thưởng phúc lợi và Quỹ thường Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành với số tiền lần lượt là 7,064 tỷ đồng; 1,275 tỷ đồng; 2,103 tỷ đồng và 0,207 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND (chưa soát xét)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.317.095.415	1.644.183.498
Chi phí nhân công	18.077.657.449	23.015.220.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	435.501.910	495.971.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.925.499.421	17.445.681.354
Chi phí khác	28.770.906.774	27.958.306.453
	59.526.660.969	70.559.363.069

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND (chưa soát xét)
Lãi tiền gửi	329.620.932	428.596.394
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.024.271	53.698.705
	340.645.203	482.295.099

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND (chưa soát xét)
Lãi tiền vay	246.855.225	370.514.917
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.097.135	36.940
	249.952.360	370.551.857

17. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND (chưa soát xét)
Thu khác	12.302.950	187.303.658
	12.302.950	187.303.658
Phạt vi phạm hợp đồng	(54.545.345)	-
Chi phí các công trình không ký hợp đồng và chi phí sau nghiệm thu	(594.721.370)	(2.941.394.090)
Chi phí khác	-	(4.457.000)
	(649.266.715)	(2.945.851.090)
Lỗ từ hoạt động khác	(636.963.765)	(2.758.547.432)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND (chưa soát xét)
Lợi nhuận trước thuế	786.544.629	5.656.227.462
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	124.545.345	-
Thu nhập chịu thuế	911.089.974	5.656.227.462
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	227.772.494	1.414.056.866

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế của toàn Công ty bao gồm đơn vị kế toán cấp trên và các đơn vị trực thuộc. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của toàn Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày trong báo cáo tài chính này chỉ phản ánh chi phí thuế thu nhập của riêng đơn vị kế toán cấp trên của Công ty.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại bởi vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	687.272.727	683.345.454

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động 6 tháng, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.374.545.455	1.543.612.121
Từ năm thứ hai đến hết thời hạn thuê	687.272.727	1.374.545.455
	2.061.818.182	2.918.157.576

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện khoản cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3 với Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.180.749.178	24.048.837.565
Phải thu thuần khách hàng	61.185.806.350	71.448.946.518
Đầu tư dài hạn khác	4.670.790.000	4.570.790.000
Khoản ký quỹ dài hạn	126.000.000	-
Tổng	73.163.345.528	100.068.574.083
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	2.457.841.982	2.975.785.094
Phải trả người bán	1.358.089.380	2.226.851.365
Chi phí phải trả	14.348.698.623	3.871.231.859
Phải trả khác	9.849.215.402	6.056.770.995
Tổng	28.013.845.387	15.130.639.313

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động 6 tháng do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	3.701.819.612	3.682.988.090	-	-
<i>Euro (EUR)</i>	305.261.424	345.579.184	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo**Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động 6 tháng Công ty có khoản rủi ro tín dụng được thể hiện ở số dư tài khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét) VND
Doanh thu		
Chi nhánh miền Trung	171.298.904	342.347.971
Xi nghiệp khảo sát và xây dựng điện	205.937.776	395.542.984
Ban QLDA các CTĐ Miền Nam	1.497.690.106	12.526.259.386
Ban QLDA các CTĐ Miền Bắc	13.178.819.026	650.219.234
Ban QLDA các CTĐ Miền Trung	6.501.954.723	10.839.754.309
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - SPC	3.966.478.072	514.724.340
Ban QLDA điện nông thôn Miền Trung	557.597.273	-
Ban QLDA Nhiệt điện 2	-	2.171.430.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	-	3.636.363.636
Ban QLDA Thủy điện 1	976.532.934	4.873.863.434
Ban QLDA Thủy điện 3	1.807.380.067	-
Ban QLDA Thủy điện 6	5.923.302.116	-
Ban QLDA thủy điện sông Bung 2	3.133.996.001	5.740.972.802
Công ty truyền tải điện 4	529.317.170	-
Công ty CP EVN Quốc Tế	-	2.600.901.379

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty CP phong điện Thuận Bình	177.272.727	995.635.050
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	-	154.545.455
Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ	-	362.780.909
Cty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.118.625.947	2.522.475.000
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	4.041.599.190	(110.826.148)
Công ty Thủy điện Trị An	-	847.470.237

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 (chưa soát xét) VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	1.157.693.236 1.157.693.236	819.957.193 819.957.193

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu		
Chi nhánh miền Trung	391.317.248	391.317.248
Xi nghiệp khảo sát và xây dựng điện	18.908.191.991	18.249.941.991
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	10.843.900.632	4.581.355.023
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.550.773.049	26.196.976.996
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	5.457.943.891	9.971.169.254
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - SPC	509.156.767	740.777.327
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	157.886.455	657.886.455
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	268.794.939	268.794.939
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	441.616.975	554.291.975
Ban QLDA nhiệt điện 2	1.467.425.981	1.467.425.981
Ban QLDA nhiệt điện 3	-	309.350.000
Ban QLDA thủy điện 3	3.558.509.564	1.570.391.490
Ban QLDA thủy điện 5	51.628.600	51.628.600
Ban QLDA thủy điện 6	1.758.910.589	3.923.718.736
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	3.681.749.424	3.681.749.424
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	1.426.218.961	1.396.394.956
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	119.702.361	119.702.361
Công ty truyền tải điện 2	1.168.655.555	1.168.655.555
Các đơn vị khác trong EVN	3.631.299.663	4.789.192.666

Người mua ứng tiền trước

Ban QLDA các công trình điện miền Nam	7.190.845.304	5.556.282.214
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	1.820.832.971	4.385.083.669
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - SPC	3.212.585.222	2.636.847.767
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	2.165.328.619	2.305.102.339
Ban QLDA lưới điện Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	87.386.000	200.061.000
Ban QLDA nhiệt điện 3	1.448.640.097	798.592.097
Ban QLDA thủy điện 1	602.884.808	602.884.808
Ban QLDA thủy điện 5	248.000.000	248.000.000
Công ty CP EVN Quốc Tế	1.467.028.810	1.467.028.810
Công ty TNHH NN MTV Nhiệt điện Cần Thơ	415.000.000	415.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	4.203.354.100	4.466.928.000
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	514.000.000	551.500.000
Các đơn vị khác trong EVN	<u>9.698.928.296</u>	<u>10.169.639.934</u>
Phải trả khác		
Chi nhánh miền Trung	871.674.834	4.689.343.630
Xi nghiệp khảo sát và xây dựng điện	2.067.960.755	8.897.248.037
Phải trả tập đoàn điện lực Việt Nam - EVN	<u>1.434.050.000</u>	<u>2.142.405.593</u>
Phải trả cổ tức		
Tập đoàn điện lực Việt Nam	<u>6.596.628.000</u>	<u>3.298.314.000</u>

Thái Tuấn Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Phạm Hoàng Vinh
Trưởng phòng Tài chính kế toán